

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1411 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 28 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch và Dự toán kinh phí Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đến năm 2045, tỷ lệ 1/25.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của UBND huyện Hòa An tại Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2024, Công văn số 1600/UBND-KTHT ngày 04 tháng 10 năm 2024; đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1929/BC-SXD ngày 04 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch và Dự toán kinh phí Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đến năm 2045, tỷ lệ 1/25.000 như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đến năm 2045, tỷ lệ 1/25.000.

2. Phạm vi, ranh giới, quy mô quy hoạch

2.1. Quy mô đất đai:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 60.584,72 ha.
- Ranh giới quy hoạch: Theo địa giới hành chính của huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.
- Các phía tiếp giáp:
 - + Phía Bắc giáp: Các huyện Hà Quảng và Trùng Khánh;
 - + Phía Nam giáp: Huyện Thạch An;
 - + Phía Đông giáp: Huyện Quảng Hòa;
 - + Phía Tây giáp: Các huyện Nguyên Bình và Hà Quảng.

2.2. Quy mô dân số:

- Dân số trong vùng quy hoạch năm 2025: khoảng 56.100 người.
- Dân số trong vùng quy hoạch đến năm 2035: khoảng 62.610 người.
- Dân số trong vùng quy hoạch đến năm 2045: khoảng 66.920 người.

2.3. Giai đoạn quy hoạch:

Giai đoạn ngắn hạn: đến năm 2035.

Giai đoạn dài hạn: đến năm 2045.

3. Mục tiêu

- Cụ thể hoá định hướng Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Cụ thể hoá quy hoạch phát triển hệ thống đô thị tỉnh Cao Bằng và mục tiêu xây dựng các huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Hoàn thiện các tiêu chí nâng cấp đô thị thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An lên đô thị loại IV trong giai đoạn 2026-2030 (theo quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030).

- Quy hoạch xây dựng và phát triển các khu vực trên địa bàn huyện phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ cảnh quan môi trường hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

- Phát huy, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, trước hết là nội lực để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, bền vững; nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của các sản phẩm chủ yếu; phát triển nông nghiệp chất lượng cao gắn với xây dựng huyện nông thôn mới.

- Định hướng của một số ngành và lĩnh vực trong quá trình xây dựng huyện nông thôn mới hướng tới huyện nông thôn mới nâng cao phát triển theo hướng “không gian xanh, hài hoà, hạnh phúc”.

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị và nông thôn trong huyện, xây dựng các chương trình kế hoạch và đề xuất các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực. Tạo cơ hội kêu gọi, thu hút đầu tư, khai thác lợi thế, thế mạnh của huyện để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội phù hợp với bản sắc văn hoá, phong tục tập quán của địa phương, nâng cao chất lượng sống cho người dân.

4. Tính chất

- Là vùng động lực phát triển, hạt nhân đô thị hoá của tỉnh.

- Là một trong những trung tâm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng, có các chức năng sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại và đầu mối giao thông đa chức năng của tỉnh.

- Là vùng du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch nhân văn, du lịch sinh thái, bảo tồn văn hóa bền vững của đồng bào các dân tộc.

- Là vùng huyện có vị trí quốc phòng, an ninh quan trọng.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án quy hoạch:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án được xác định theo:

- Chỉ tiêu huyện nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, ban hành theo quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng

nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đối với đô thị và nông thôn trong vùng quy hoạch:

+ Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đô thị loại IV (đô thị thị trấn Nước Hai, theo kế hoạch phân loại đô thị giai đoạn 2026-2030);

+ Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật các xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao theo tiêu chí ban hành tại quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

6. Các nội dung nghiên cứu quy hoạch

6.1. Phân tích, đánh giá khái quát đặc điểm tự nhiên và hiện trạng vùng huyện

- Khái quát đặc điểm tự nhiên.

- Khái quát hiện trạng vùng lập quy hoạch: Hiện trạng phát triển kinh tế; Hiện trạng dân số và lao động; Hiện trạng sử dụng đất; Hiện trạng hạ tầng xã hội; Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn; Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật.

- Các phương hướng phát triển và phương án quy hoạch tại các quy hoạch liên quan có tác động đến vùng quy hoạch.

- Khát quát những vấn đề tồn tại cần giải quyết trong quy hoạch huyện.

6.2. Xác định quan điểm, mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của vùng

- Quan điểm lập quy hoạch vùng huyện.

- Mục tiêu lập quy hoạch vùng huyện.

- Tính chất, chức năng lập quy hoạch vùng huyện.

6.3. Cơ sở, phương pháp xác định động lực phát triển vùng, dự báo sơ bộ và đề xuất các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo từng giai đoạn phát triển

- Cơ sở, phương pháp xác định động lực phát triển vùng: Mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế - xã hội huyện; Định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện; Tiền đề, các định hướng chiến lược và kịch bản phát triển vùng huyện; Định hướng phát triển không gian vùng huyện.

- Dự báo sơ bộ phát triển kinh tế, về dân số, đất đai, tỷ lệ đô thị hoá: Dự báo phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2025-2035 và 2035-2045; Dự báo sơ bộ về dân số, tỷ lệ đô thị hoá; Dự báo nhu cầu sử dụng đất.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án quy hoạch vùng huyện.

6.4. Yêu cầu về nội dung của quy hoạch vùng huyện

Căn cứ theo quy định tại Điều 4 Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn các yêu cầu chính nội dung của quy hoạch huyện như sau:

- Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch huyện; các căn cứ lập quy hoạch; vị trí, quy mô, phạm vi lập quy hoạch; quan điểm và mục tiêu phát triển của vùng.

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội vùng; hiện trạng phân bố đô thị và điểm dân cư nông thôn, sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch; hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và cấp huyện; hiện trạng tài nguyên và môi trường; hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch; đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Xác định động lực và tiềm năng phát triển của vùng; tác động của hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh đối với vùng lập quy hoạch.

- Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, tỷ lệ đô thị hóa, nhu cầu sử dụng đất, bảo vệ môi trường; các rủi ro về biến động, thảm họa thiên nhiên, ...

- Tổ chức phân vùng và yêu cầu quản lý, phát triển theo các phân vùng.

- Định hướng phát triển không gian:

Vị trí, quy mô và phương hướng tổ chức khu vực phát triển đô thị, dân cư nông thôn; khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch ngành; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác.

Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm: Hành chính, thương mại - dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, nghiên cứu, đào tạo, y tế từ cấp huyện trở lên; trung tâm cụm xã, trung tâm xã. Xác định các quy hoạch chung đô thị; quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng; quy hoạch chung xây dựng xã cần lập theo các giai đoạn phát triển.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng về san nền, chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông.

- Xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường; các dự án cần được nêu rõ quy mô đầu tư xây dựng, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn, thời điểm thực hiện.

- Đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đề xuất các giải pháp về bảo vệ môi trường trong vùng.

7. Thành phần và hồ sơ đồ án quy hoạch:

Gồm 02 phần văn bản và bản vẽ theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn. Cụ thể:

- Phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của vùng lập quy hoạch; các mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường trong quy hoạch tỉnh có ảnh hưởng tới vùng lập quy hoạch theo tỷ lệ thích hợp;

+ Bản đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên, hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất vùng lập quy hoạch; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000;

+ Bản đồ phân vùng quản lý phát triển: Xác định các phân vùng để quản lý; tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000;

+ Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng: Xác định không gian phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn; khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực phát triển trung tâm: hành chính, thương mại - dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, nghiên cứu, đào tạo, y tế từ cấp huyện trở lên; vị trí trung tâm cụm xã, trung tâm xã; khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác theo các giai đoạn quy hoạch, tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000;

+ Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật vùng: Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và cấp huyện theo từng chuyên ngành gồm chuẩn bị kỹ thuật, giao thông (đến cấp đường liên xã), hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động, tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000.

- Phần văn bản:

+ Thuyết minh tổng hợp, Bản vẽ A3 thu nhỏ;

+ Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung

cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán và các văn bản pháp lý liên quan);

+ Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt.

8. Dự toán chi phí:

- Dự toán chi phí quy hoạch thực hiện theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, Cụ thể:

Khoản mục chi phí:	Đơn vị: Đồng
Chi phí lập đồ án quy hoạch	1.312.092.000
Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	79.567.000
Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn	10.190.000
Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	14.734.000
Chi phí thẩm định đồ án	85.895.000
Chi phí quản lý việc lập đồ án	175.038.000
Chi phí lấy ý kiến cộng đồng dân cư	24.298.000
Chi phí công bố quy hoạch	36.447.000
Chi phí lập hồ sơ theo hệ thống thông tin địa lý (GIS)	144.330.000
Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	10.804.000
Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	2.160.000
Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3.240.000
Tổng dự toán:	1.898.795.000

(Bằng chữ: Một tỷ tám trăm chín mươi tám triệu bảy trăm chín mươi năm nghìn đồng).

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước (huyện bố trí) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

9. Tổ chức thực hiện và thời gian thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Hoà An.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Cao Bằng.

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Cao Bằng.

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Tổ chức lựa chọn nhà thầu vẫn theo các quy định pháp luật hiện hành.

- Thời gian tổ chức lập quy hoạch: Không quá 12 tháng tính từ ngày ký kết hợp đồng tư vấn lập quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Hòa An chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ nhiệm vụ thiết kế quy hoạch và dự toán kinh phí; căn cứ theo nội dung nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt, thực hiện việc lập đồ án quy hoạch, trình thẩm định và phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, số liệu tại báo cáo thẩm định số 1929/BC-SXD ngày 04 tháng 9 năm 2024; phối hợp, hướng dẫn UBND huyện Hòa An triển khai lập quy hoạch vùng huyện và thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý nhà nước của mình đối với quá trình lập quy hoạch theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND huyện Hòa An và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh